TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2018/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 27 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 130/2018/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ 01, khu B, N, L, Đ, Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Lý Quốc V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 01, khu B, N, L, Đ, Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị P và ông Lý Quốc V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị P và ông Lý Quốc V.

- Về con chung: hai bên thỏa thuận giao cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lý Thị Ngọc Á sinh ngày 24/01/2011 cho đến tuổi thành niên; giao cho ông Lý Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lý Gia A sinh ngày 11/11/2008 cho đến tuổi thành niên. Bà Lê Thị P và ông Lý Quốc V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thay đổi nuôi con, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà P và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: bà Lê Thị P nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2015/0007311 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) còn thừa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;
- Đương sự;
- UBND thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Trọng Hiếu

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).